

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:60/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Gia Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Quang Định
2. Bà Nguyễn Thị Xuân

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐST - HNGĐ ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn C**, Sinh năm: 1992

Địa chỉ: tổ 2, khu 9, phường T, thành phố U tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Đặng Thị Thanh N**, Sinh năm: 1997

Địa chỉ: tổ 8, khu 9, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020, tại bản tự khai nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 27/05/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại tổ 2, khu 9, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống,

cuộc sống không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, chị N về nhà mẹ đẻ ở, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của hai vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị Thanh N.

Về con chung: anh C và chị N có 01 con chung tên là Phạm Sơn T sinh ngày 26/02/2016. Nếu vợ chồng ly hôn anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C và chị N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Đặng Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn C tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2018. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Sơn T sinh ngày 26/02/2016. Nếu vợ chồng ly hôn chị để anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - Ông Lê Văn L là trưởng khu 9, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: Anh C và chị N là công dân cư trú tại khu 9, phường T, TP U. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng nhiều lần xảy ra xô sát, cãi vã, to tiếng với nhau. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn chung sống cùng nhà, con chung đang ở với bố. Hai vợ chồng có công việc, có thu nhập đủ điều kiện nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: anh C và chị N kết hôn đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh Phạm Văn C được ly hôn chị Đặng Thị Thanh N; Giao con chung Phạm Sơn T sinh ngày 26/02/2016 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Phạm Văn C và bị đơn chị Đặng Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Phạm Văn C và bị đơn chị Đặng Thị Thanh N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Đặng Thị Thanh N kết hôn vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy để cuộc sống hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai vợ chồng, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên quá trình chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị N đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: anh C và chị N có 01 con chung tên là Phạm Sơn T sinh ngày 26/02/2016. Trong quá trình giải quyết, anh C và chị N đều có quan điểm về việc nuôi con chung là để anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Sơn T và hiện nay con chung đang ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con, cần

giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh C và chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản.

[3] **Về án phí**: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] **Quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

-Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn C về việc xin ly hôn với chị Đặng Thị Thanh N.

Tuyên xử:

1. Cho anh Phạm Văn C được ly hôn chị Đặng Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Sơn T sinh ngày 26/02/2016 cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đặng Thị Thanh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị N không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng cũng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Đồng thời chị N còn có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung nếu anh C không nuôi dưỡng được con chung.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003604 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- UBND phường T (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Gia Ninh

